

KÝ HIỆU, MÃ LOẠI ĐẤT

STT	Loại đất	Mã
1	Đất nông nghiệp	NNP
1.1	Đất trồng lúa	LUA
-	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>
-	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK
-	<i>Đất bằng trồng cây hàng năm khác</i>	<i>BHK</i>
-	<i>Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác</i>	<i>NHK</i>
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX
-	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>
-	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</i>	<i>RST</i>
-	<i>Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất</i>	<i>RSM</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH
2	Đất phi nông nghiệp	PNN
2.1	Đất quốc phòng	CQP
2.2	Đất an ninh	CAN
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK
2.4	Đất khu chế xuất	SKT
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>

2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC
2.26	Đất công trình công cộng khác	DCK
2.27	Đất phi nông nghiệp khác	PNK
3	Đất chưa sử dụng	CSD
-	<i>Đất bằng chưa sử dụng</i>	<i>BCS</i>
-	<i>Đất đồi núi chưa sử dụng</i>	<i>DCS</i>

* Ghi chú: Ký hiệu, mã loại đất được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN CHI LĂNG - TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: m²

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến sử dụng từ các loại đất	Ghi chú
1	Trụ sở Công an xã Mai Sao	Xã Mai Sao	Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND tỉnh; Thông báo số 590/TB-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn	1.500,0	LUA (300); HNK (400); CLN (700); NTS (100)	Bổ sung loại đất cần thu hồi theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
2	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Các xã: Nhân Lý, Bắc Thủy, Vân Thủy	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	1.578.200,0	LUA (314.656); HNK (293.574), CLN (82.551); RSX (664.440); NTS (2.573); DGT (104.663); DTL (1.317); DVH (273); ONT (39.051); NTD (402); DSH (243); TIN (125); DGD (725); SON (62.686); CSD (10.921)	Điều chỉnh quy mô dự án và diện tích loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
3	Trạm biến áp 220kV Đồng Mô và đường dây đầu nối	Thị trấn Đồng Mô	Văn bản số 2133/NPMB-ĐB ngày 12/5/2023 của Ban quản lý dự án các công trình Điện Miền Bắc; Văn bản số 6218/NPMB-TĐ+ĐB ngày 24/10/2023 của Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc về việc cung cấp thông tin dự án Trạm biến áp 220kV Đồng Mô và đường dây đầu nối	52.795,0	LUA (31.494); HNK (5.000); CLN (5.886); RSX (1.184); DGT (8.504); ODT (168); DTL (135); CSD (424)	Điều chỉnh tên, quy mô dự án và diện tích loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh
4	Cây các TBA CQT lưới điện và giảm tổn thất điện năng các KV Tân Minh, Nà Dạ, Lân Bông, Bản Dù, Y Tịch, Bằng Hữu, Làng Mùn, Thần Lăng, H.Lăng, tỉnh Lạng Sơn năm 2020	Các xã: Bằng Hữu, Y Tịch, Chiến Thắng, Quan Sơn, Vân An, Vân Thủy và TT Chi Lăng.	Quyết định số 2077/QĐ-PCLS ngày 29/11/2019 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình	1.220,0	LUA (520); HNK (300); CLN (160); RSX (140); ONT (20); DGT (20); CSD (60)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
5	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia T. Lạng Sơn GD 2015-2020 phân kỳ 2020 (H. Chi Lăng)	Xã Hữu Kiên	Quyết định số 11815/QĐ-BCT ngày 30/10/2015 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	360,0	LUA (50); HNK (70); CLN (20); RSX (90); DGD (20); CSD (110)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
6	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia T. Lạng Sơn GD 2015-2020 phân kỳ 2022 (H. Chi Lăng)	Xã Vạn Linh	Quyết định số 11815/QĐ-BCT ngày 30/10/2015 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	550,0	LUA (60); HNK (200); CLN (50); RSX (100); DGD (20); NTS (10); CSD (110)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến sử dụng từ các loại đất	Ghi chú
7	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 35kV Khu vực Cao Lộc, Chi Lăng, Văn Quan, Lộc Bình theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	Các xã: Hữu Kiên, Bắc Thủy, Vân Thủy	Quyết định số 703/QĐ-PCLS ngày 10/07/2021 phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình	310,0	LUA (90); HNK (100); CLN (30); RSX (90)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
8	Cây TBA CQT lưới điện, GTT điện năng khu vực huyện Chi Lăng, Lộc Bình năm 2021	Các xã: Vân Thủy, Nhân Lý, Vạn Linh, Chiến Thắng, Chi Lăng	Quyết định số 1112/QĐ-PCLS ngày 06/10/2021 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình	280,0	LUA (90,0); HNK (100,0); CLN (50,0); RSX (10,0); DGT (10,0); CSD (20,0)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
9	Cây TBA CQT, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Chi Lăng, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Lộc Bình, Tràng Định	Các xã: Chi Lăng, Mai Sao, Bằng Mạc	Quyết định số 1470/QĐ-PCLS ngày 26/11/2020 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình	200,0	LUA (130,0); HNK (20,0); CLN (40,0); RSX (10,0)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
10	Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn các xã Hòa Bình, Quang Lang, Mai Sao, Bắc Thủy, Lâm Sơn, Vân An huyện Chi Lăng	Các xã: Hòa Bình, Quang Lang, Mai Sao, Bắc Thủy, Lâm Sơn, Vân An	Quyết định số 1245/QĐ-PCLS ngày 18/01/2023 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình	810,0	LUA (150); HNK (150); CLN (150); RSX (110); ONT (40); ODT (30); DGT (20); SKC (20); CSD (50); NTD (50); NTS (20); DGD (20)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
11	Nâng cao chất lượng lưới hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC K.vực xã Hòa Bình, Mai Sao, Chi Lăng, Gia Lộc, Vạn Thủy, Quan Sơn, Chiến Thắng, TT Đồng Mô, TT Chi Lăng, H. Chi Lăng	Các xã: Hòa Bình, Mai Sao, Chi Lăng, Gia Lộc, Vân Thủy, Quan Sơn, Chiến Thắng, TT Đồng Mô, TT Chi Lăng	Công văn số 260/PCLS-QLDA+KT ngày 06/02/2024 về việc Đăng ký danh mục ĐTXD các công trình nâng cao chất lượng lưới điện hạ áp, đảm bảo cấp điện năm 2024 – 2025	1.020,0	LUA (170); HNK (130); CLN (100); RSX (100); ONT (100); ODT (100); DGT (160); SKC (50); CSD (50); NTD (30); DGD (30)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
12	Cây TBA CQT GBK, giảm TTĐN khu vực các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng, Cao Lộc, TP Lạng Sơn năm 2025	Xã Bằng Mạc và TT Đồng Mô.	Công văn số 438/PCLS-KT+QLDA ngày 08/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình lưới điện THA năm 2025	680,0	LUA (100); HNK (100); CLN (100); RSX (50); ONT (50); ODT (50); DGT (70); SKC (50); CSD (50); NTD (30); DGD (30)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
13	Mở rộng tuyến đường từ đường ĐH89 - xã Yên Phúc, huyện Văn Quan (Tuyến trong)	Xã Bằng Hữu	Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND huyện Chi Lăng về việc Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước và Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Chi Lăng	6.000,0	LUA (1.000); HNK (2.000); RSX (3.000)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
14	Mở rộng tuyến đường từ đường ĐH89 - xã Yên Phúc, huyện Văn Quan (Tuyến ngoài)	Xã Bằng Hữu		6.000,0	LUA (1.000); HNK (1.200); RSX (3.800)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
15	Mở rộng tuyến đường Thồng Noọc - Lũng Mất (Gia lộc)	Xã Bằng Hữu		5.000,0	RSX (5.000)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh

STT	Tên dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến sử dụng từ các loại đất	Ghi chú
16	Xử lý điểm đen TNGT đoạn Km3+550 - Km3+670, ĐH.88, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Xã Hoà Bình	Công văn số 297/UBND-KT ngày 13/3/2024 của UBND tỉnh về việc liên quan đến xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đầu tư xây dựng biển pano tuyên truyền an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh	800,0	LUA (500); NTS (200); ONT (100)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
	Tổng			1.655.725,0		

